

Số: 154/KH-UBND

Ninh Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Ninh Giang năm 2024**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 10/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương về việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Chương trình hành động số 96-CTr/TU ngày 04/6/2020 của Tỉnh ủy Hải Dương về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính



trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/3/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Dương về Nghị quyết “Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;

Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Chương trình “Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 08/2020/ND-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2020 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Chương trình “Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến 2025;

Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương phiên bản 1.0; Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương phiên bản 2.0;

Kế hoạch hành động số 1539/KH-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Kế hoạch hành động số 2358/KH-UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thực hiện Nghị quyết “Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Kế hoạch số 5043/KH-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2024.

Đề án số 05-ĐA/HU ngày 26/4/2021 về “Xây dựng chính quyền điện tử huyện Ninh Giang, giai đoạn 2020 - 2025”; Kế hoạch hành động số 110/KH-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang về thực hiện Nghị quyết “Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Ninh Giang.



## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Kế hoạch tập trung vào thực hiện mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của huyện.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.1. Ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Nâng cấp hệ thống mạng LAN từ cấp huyện, đến cấp xã đảm bảo duy trì kết nối Internet băng rộng cho 100% xã, thị trấn.

- Thực hiện 100% văn bản đến, đi (*trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước*) được quản lý trên Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; 100% văn bản được trao đổi trên môi trường mạng theo đúng quy định gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng;

- 100% văn bản văn bản gửi, nhận trên phần mềm được sử dụng chữ ký số của cơ quan và chữ ký số của cá nhân lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

- 100% văn bản chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện và trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn.

- 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ [mail.haiduong.gov.vn](mailto:haiduong.gov.vn) trong công việc.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% báo cáo định kỳ và văn bản hành chính (*trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước*) được gửi nhận bằng văn bản điện tử;

- 100% các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện và 100% UBND xã, thị trấn báo cáo định kỳ về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện trên hệ thống phần mềm báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản, (tập trung bồi dưỡng kỹ năng số cho đối tượng là giáo viên).

#### 2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin, chính quyền số phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cổng thông tin điện tử UBND huyện và 100% Trang thông tin điện tử UBND các xã, thị trấn duy trì cung cấp đầy đủ thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ

- 100% dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.



- 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.

- 80% thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.

- 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định phải số hóa.

- Từ 35 đến 40% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.

- Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 95%.

### **2.3. Phát triển kinh tế số**

- Kinh tế số chiếm từ 10% trở lên tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP);

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

- 90% doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số.

- 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

### **2.4. Phát triển xã hội số**

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% đơn vị hành chính cấp xã.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh, phần đầu có 10% dân số sử dụng mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử từ 50% trở lên.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến từ 30% trở lên.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân từ 20% trở lên.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử 50% trở lên.

### **2.5. Nhân lực ứng dụng CNTT**

- 100% các cơ quan, phòng ban, đơn vị thuộc UBND huyện, 100% UBND xã, thị trấn bố trí cán bộ theo dõi, vận hành hệ thống CNTT tại cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức từ cấp huyện tới cấp xã; phần đầu có từ 35% trở lên cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

### **2.6. Bảo đảm an toàn thông tin**

- Bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp.

- 80% các hệ thống thông tin của huyện từ cấp độ 2 trở lên được áp dụng



phương án bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước hai cấp huyện, xã được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng
- Hoàn thành hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

#### **1. Hạ tầng kỹ thuật**

- Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh.
- Xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của huyện và xã, thị trấn.
- Nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng, trang thiết bị CNTT cho các cơ quan, phòng ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn huyện.

#### **2. Ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- Duy trì hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc của huyện.
- Duy trì, nâng cấp các Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn.
- Duy trì, vận hành hệ thống Thư điện tử công cụ của huyện;
- Triển khai ứng dụng chữ ký số trên nền tảng di động.
- Xây dựng một số ứng dụng y tế thông minh; giáo dục thông minh; giao thông thông minh; văn hóa, thể thao, du lịch thông minh; tài nguyên, môi trường thông minh; nông nghiệp thông minh...

#### **3. Ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Mở rộng chức năng cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của huyện.
- Xây dựng, triển khai các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần tích hợp lên Hệ thống tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của huyện.
- Duy trì, vận hành phần mềm một cửa điện tử quản lý tập trung UBND huyện và UBND xã, thị trấn.

#### **4. Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức CNTT và Chuyển đổi số**

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị; bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân nhằm thực hiện tốt việc vận hành, khai thác, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử.
- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị.

#### **5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin**



- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng.

- Triển khai mô hình bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống thông tin theo mô hình “4 lớp”.

- Tham gia huấn luyện, diễn tập, phòng ngừa sự cố, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố máy tính.

#### **6. Thực hiện nhiệm vụ một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số**

- Tiếp tục triển khai thực hiện một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số như: lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; sản xuất công nghiệp, dịch vụ, giao thông vận tải; tài chính, ngân hàng; y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin.v.... do các cơ quan chủ trì các lĩnh vực triển khai thực hiện

#### **7. Nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thực hiện năm 2024.**

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống LAN của huyện (Fire wall, máy chủ, Swith 24 - 48 port

- Xây dựng hệ thống hợp không giấy tờ; hệ thống chỉ đạo điều hành thông minh; nâng cấp phần mềm quản lý văn bản điều hành.

- Nâng cấp và hoàn thiện cổng thông tin điện tử huyện gắn với thực hiện việc cải cách hành chính và cung cấp các dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp hệ thống máy đọc mã vạch, trang bị máy đọc mã QR Code trên thẻ CCCD gắn chip, màn hình hiển thị, tra cứu hồ sơ, thủ tục hành chính.

- Đầu tư hệ thống tra cứu điện tử khi tiến hành tra cứu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Tăng cường tập huấn nâng cao: Khai thác, sử dụng trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn; khai thác, tra cứu dữ liệu trên dịch vụ công tỉnh, dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận và giải quyết TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; số hóa hồ sơ.

### **IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI**

#### **1. Giải pháp về môi trường chính sách**

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực CNTT và Chuyển đổi số; ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT và Chuyển đổi số.

- Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định về quản lý, vận hành các hệ thống CNTT.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ CNTT, Chuyển đổi số.

#### **2. Giải pháp tài chính**

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.



- Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng CNTT; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống CNTT làm nền tảng.

- Tăng cường tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và nguồn vốn khác; tạo cơ chế phối hợp, ký kết hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin.

- Đề xuất với các cấp các ngành có chế độ chính sách đối với thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng thôn, khu dân cư để động viên, khuyến khích.

### **3. Giải pháp triển khai**

- Nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho các phòng, ban, cơ quan UBND huyện và UBND cấp xã, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thông nhất trong toàn huyện.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về hiệu quả và lợi ích khi ứng dụng CNTT.

- Triển khai hoạt động ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương đã được phê duyệt.

- Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các huyện trong và ngoài tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của huyện và các xã, thị trấn.

- Xây dựng tiêu chí thi đua về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bộ tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của tập thể, cá nhân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số với cải cách hành chính, gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả ứng dụng CNTT và cải cách hành chính của đơn vị mình.

### **4. Giải pháp tổ chức**

- Tăng cường các hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện và xã, thị trấn; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số.

- Bổ sung, tăng cường cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan nhà nước; tăng cường số lượng cán bộ quản lý nhà nước về công nghệ thông tin tại Phòng Văn hóa và thông tin huyện; tăng cường số lượng cán bộ công nghệ thông tin cho các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn nhằm vận hành thông suốt các ứng dụng và đảm bảo an toàn thông tin; tăng cường vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng thôn/khu dân cư.



## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách UBND tỉnh hỗ trợ và cân đối của UBND huyện và các xã, thị trấn.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm 2024 của cơ quan, đơn vị mình; bố trí nguồn lực, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch và báo cáo kết quả về Phòng Văn hoá - Thông tin để tổng hợp, báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện.

2. Phòng Văn hoá và Thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số và tổng hợp, báo cáo UBND huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu với UBND huyện bố trí đủ kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước huyện Ninh Giang năm 2024. Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Văn hoá - Thông tin để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, chỉ đạo./.

### Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- TTr Huyện uỷ, TTr HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, PVHTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Vạn





## PHỤ LỤC

**Các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số năm 2024** giao các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện chủ trì và phối hợp thực hiện

(theo Kế hoạch số 154/KH-UBND, ngày 29/12/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

Số TT	Các chỉ tiêu, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số trong nội bộ cơ quan nhà nước</b>			
1	Nâng cấp hệ thống mạng LAN từ cấp huyện, đến cấp xã đảm bảo duy trì kết nối Internet băng rộng cho 100% xã, thị trấn.	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các doanh nghiệp Viễn thông, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
2	Thực hiện 100% văn bản đến, đi (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước) được quản lý trên Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; 100% văn bản được trao đổi trên môi trường mạng theo đúng quy định gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng;	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Thực hiện năm 2024
3	100% văn bản văn bản gửi, nhận trên phần mềm được sử dụng chữ ký số của cơ quan và chữ ký số của cá nhân lãnh đạo cơ quan, đơn vị.	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thực hiện năm 2024
4	100% văn bản chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện và trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn.	Văn phòng HĐND&UBND huyện; UBND các xã, thị trấn	Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện	Thực hiện năm 2024
5	100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ <a href="mailto:haiduong.gov.vn">mail.haiduong.gov.vn</a> trong công việc.	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thực hiện năm 2024





6	80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn		Thực hiện năm 2024
7	100% báo cáo định kỳ và văn bản hành chính (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước) được gửi nhận bằng văn bản điện tử;	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn		Thực hiện năm 2024
8	100% các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và 100% UBND xã, thị trấn báo cáo định kỳ về chỉ tiêu phát triển KT-XH được thực hiện trên hệ thống phần mềm báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Thực hiện năm 2024
9	40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thực hiện năm 2024
10	50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản, (tập trung bồi dưỡng kỹ năng số cho đối tượng là giáo viên).	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
<b>II</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin, chính quyền số phục vụ người dân và doanh nghiệp</b>			
1	Cổng thông tin điện tử huyện, Trang thông tin điện tử các xã, thị trấn cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Văn phòng HĐND&UBND huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	Thực hiện năm 2024
2	100% dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng HĐND&UBND huyện; UBND các xã, thị trấn		Thực hiện năm 2024
3	80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên	Văn phòng HĐND&		Thực hiện



	nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.	UBND huyện; UBND các xã, thị trấn		năm 2024
4	80% thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	Bộ phận một cửa huyện và Bộ phận một cửa các xã, TT		Thực hiện năm 2024
5	60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Bộ phận một cửa huyện và Bộ phận một cửa các xã, TT		Thực hiện năm 2024
6	Số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định phải số hóa.	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
7	35- 40% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
8	Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 95%.	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, TT		Thực hiện năm 2024
<b>III Phát triển kinh tế số</b>				
1	Kinh tế số chiếm từ 10% trở lên tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP);	Chi cục Thống kê	Các cơ quan có liên quan, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
2	Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.	Chi cục Thống kê	Các cơ quan có liên quan, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
3	90% doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số.	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện	Thực hiện năm 2024
4	30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các	Phòng Kinh tế và Hạ	Các doanh nghiệp	Thực hiện



	nền tảng chuyển đổi số.	tầng	trên địa bàn huyện	năm 2024
<b>IV</b>	<b>Phát triển xã hội số</b>			
1	Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% đơn vị hành chính cấp xã.	Các doanh nghiệp viễn thông	Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh, phần đầu có 10% dân số sử dụng mạng di động 5G.	Các doanh nghiệp viễn thông	Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
3	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử 50% trở lên.	Các chi nhánh Ngân hàng trên địa bàn	UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến từ 30% trở lên.	UBND các xã, thị trấn	Phòng VH TT; VP HỖND&UBND	Thực hiện năm 2024
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân từ 20% trở lên	UBND các xã, thị trấn	Phòng VH TT, Các doanh nghiệp Viễn thông	Thực hiện năm 2024
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt 100%.	Công an huyện	UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
7	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử từ 50% trở lên	Phòng Y tế	Trung tâm Y tế, UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
<b>V</b>	<b>Nhân lực ứng dụng CNTT</b>			
1	100% các phòng ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã bố trí cán bộ theo dõi, vận hành hệ thống CNTT tại cơ quan, đơn vị.	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, TT	Văn phòng HỖND&UBND huyện	Thực hiện năm 2024
2	Liên kết các đơn vị, doanh nghiệp CNTT tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ,	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024



	công chức từ cấp huyện tới cấp xã. Phân đầu có 35% cán bộ, cCC, VC được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.			
<b>VI</b>	<b>Bảo đảm an toàn thông tin</b>			
1	Bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp.	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
2	80% các hệ thống thông tin của huyện từ cấp độ 2 trở lên được áp dụng phương án bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Văn phòng HĐND & UBND huyện;	Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND các xã, TT	Thực hiện năm 2024
3	100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước hai cấp huyện, xã được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng	Văn phòng HĐND & UBND huyện; UBND các xã, thị trấn		Thực hiện năm 2024
<b>VII</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số</b>			
1	Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
2	Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ, giao thông vận tải	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
3	Lĩnh vực tài chính, ngân hàng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng ngân hàng trên địa bàn	Thực hiện năm 2024
4	Lĩnh vực y tế	Phòng Y tế	Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024



			xã, thị trấn	
5	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
6	Lĩnh vực văn hóa, du lịch	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn	Thực hiện năm 2024
<b>VIII</b>	<b>Một số Nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng</b>			
1	Nâng cấp hệ thống LAN của huyện (Fire wall, máy chủ, Swith 24 - 48 port	Văn phòng HĐND& UBND huyện		Thực hiện năm 2024
2	Xây dựng hệ thống hợp không giấy tờ; hệ thống chỉ đạo điều hành thông minh; nâng cấp phần mềm quản lý văn bản điều hành.	Văn phòng HĐND& UBND huyện		Thực hiện năm 2024
3	Nâng cấp và hoàn thiện cổng thông tin điện tử huyện gắn với thực hiện việc cải cách hành chính và cung cấp các dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp	Văn phòng HĐND& UBND huyện		Thực hiện năm 2024
4	Nâng cấp hệ thống máy đọc mã vạch, trang bị máy đọc mã QR Code trên thẻ CCCD gắn chip, màn hình hiển thị, tra cứu hồ sơ, thủ tục hành chính.	Văn phòng HĐND& UBND huyện		Thực hiện năm 2024
5	Đầu tư hệ thống tra cứu điện tử khi tiến hành tra cứu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Văn phòng HĐND& UBND huyện		Thực hiện năm 2024